

Bản án số: 56/2017/DSPT

Ngày: 10/4/2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLPT-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2017/DSST ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2017/QĐ-PT, ngày 20 tháng 3 năm 2016 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông B, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông T, sinh năm 1975. (Có mặt)

Bà T1, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: Ông T – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông B trình bày: Ngày 10/9/2014 (al) ông B có cho vợ chồng ông T và bà T1 vay số tiền 100.000.000đồng, có làm biên nhận do ông T ký tên. Mục đích vay để vợ chồng ông T làm vốn buôn bán, lãi suất thỏa thuận miệng là 4%/tháng, lãi trả hàng tháng, tiền vốn khi nào ông B yêu cầu thì ông T, bà T1 sẽ trả. Sau thời gian thực hiện hợp đồng ông B yêu cầu ông T, bà T1 trả lại số tiền 100.000.000đồng thì ông T, bà T1 trả được 50.000.000đồng vốn, còn lại 50.000.000đồng không trả. Nay ông B yêu cầu ông T, bà T1 trả lại số tiền vốn 50.000.000đồng và yêu cầu tính lãi 1.125%/tháng từ ngày 23/8/2015 đến ngày 03/10/2016 với số tiền 7.500.000đồng. Tổng cộng

chung là 57.500.000đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 04/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông B không đồng ý cho ông T và bà T1 trả dần.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 03/11/2016 và các bản khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn T và bà T1 trình bày:* Ngày 10/9/2014 (al) ông T và bà T1 có vay ông B số tiền 100.000.000đồng, có làm biên nhận do ông T ký tên. Mục đích vay để làm vốn buôn bán, lãi suất thỏa thuận miệng là 4%/tháng, lãi trả hàng tháng, tiền vốn khi nào ông B yêu cầu thì ông T và bà T1 sẽ trả. Sau đó ông B yêu cầu trả lại số tiền 100.000.000đồng thì ông T và bà T1 trả được 50.000.000đồng vốn, 50.000.000đồng còn lại ông T và bà T1 chưa trả cho ông B. Nay ông T và bà T1 đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông B, ông T và bà T1 đồng ý trả lại số tiền vốn là 50.000.000đồng và tiền lãi là 7.500.000đồng. Tổng cộng chung là 57.500.000đồng và đồng ý trả lãi kể từ ngày 04/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông T và bà T1 yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2016/DSST ngày 28/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 92, 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B. Buộc bị đơn T và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B số tiền 50.000.000đồng vốn và 8.512.500đồng tiền lãi. Tổng cộng chung là 58.512.500đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông B và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/12/2016 bị đơn T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Ông T và bà T1 đồng ý trả số tiền 58.512.500đồng cho ông B như án sơ thẩm đã tuyên nhưng ông T yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn B không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn T.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của bị đơn T; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn T. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương

sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 07/12/2016 bị đơn T kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bị đơn T được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của ông T đồng ý trả cho ông B số tiền 58.512.500đồng như án sơ thẩm đã tuyên nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc ông B cho ông T, bà T1 vay số tiền 100.000.000đồng, ông T bà T1 đã trả 50.000.000đồng, số tiền 50.000.000đồng còn lại ông T bà T1 chưa trả cho ông B là có thật được các bên thừa nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T bà T1 trả cho ông B số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng và số tiền lãi là 8.512.500đồng, tổng cộng là 58.512.500đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) là có căn cứ.

Bị đơn T cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu được trả dần số tiền 58.512.500đồng, mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên nguyên đơn B không đồng ý theo yêu cầu của bị đơn xin trả dần và đây cũng là thẩm quyền của Cơ quan thi hành án xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn T xin được trả dần số tiền 58.512.500đồng cho ông B.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của án sơ thẩm về lãi suất chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông B không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2016/DSST ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B.

Buộc bị đơn T và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B số tiền 50.000.000đồng vốn và 8.512.500đồng tiền lãi. Tổng cộng chung là 58.512.500đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

2. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông T phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000291 ngày 07/12/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông T đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về lãi suất chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông B không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND h.LH; 01;
- Chi cục THADS h.LH ; 01;
- Đ/s: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư